kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 12

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 21/09/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L12.CK1.050

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chất lỏng đang sôi ở áp suất không đổi; hai lần đun cùng điều kiện có $P_1 = 800$ W, $P_2 = 1400$ W. Khối lượng giảm đều với $r_1 = 0,2$ g/s, $r_2 = 0,4$ g/s. Bỏ giọt bắn; nhiệt độ chất lỏng không đổi. Thất thoát môi trường H là cùng một hằng số ở hai lần, với $P_i - H = Lr_i$ khi r theo kilôgam trên giây. Tính nhiệt hóa hơi riêng theo mêgajun trên kilôgam.

A. 3 MJ/kg **B.** 3000 MJ/kg **C.** 4 MJ/kg **D.** 1 MJ/kg

Câu 2. Một bình kín thể tích không đổi chứa khí ở áp suất 3, 7 atm, nhiệt độ 12 °C. Đun tới 192 °C thì áp suất khí trong bình bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. 59, 2 atm **B.** 2, 27 atm **C.** 6, 04 atm **D.** 3, 7 atm

Câu 3. Loại nhiệt kế nào đo nhiệt độ dựa vào sự nở vì nhiệt của cột thuỷ ngân trong ống?

A. Nhiệt kế cặp nhiệt điện.
B. Nhiệt kế điện trở.
C. Nhiệt kế hồng ngoại.
D. Nhiệt kế thuỷ ngân.

Câu 4. Theo quy ước dấu của định luật I, $A < 0$ nghĩa là

A. vật truyền nhiệt lượng ra bên ngoài.
B. vật nhận công từ bên ngoài.
C. vật thực hiện công lên vật khác.
D. vật nhận nhiệt lượng từ bên ngoài.

Câu 5. Một khối thuỷ tinh khối lượng 3 kg có nhiệt dung riêng 840 J/(kg · K). Nhiệt lượng cần cung cấp để khối ấy nóng thêm 7 °C bằng (làm tròn đến hàng đơn vị).

A. 3 kJ **B.** 18 kJ **C.** 6 kJ **D.** 17640 kJ

Câu 6. So với nhiệt lượng cần đun một kilôgam nước từ 0 °C lên 100 °C, nhiệt lượng cần để hoá hơi hoàn toàn kilôgam nước ấy

A. nhỏ hơn khoảng năm lần.
B. lớn hơn khoảng năm lần.
C. nhỏ hơn khoảng hai lần.
D. bằng nhau.

PHẦN II. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 7. Một lượng khí ở nhiệt độ không đổi có áp suất 1, 6 atm và thể tích 7 lít. Nén đẳng nhiệt tới thể tích 4 lít. Tính áp suất lúc này.

Câu 8. Một lượng khí ở áp suất không đổi có thể tích 32 lít ở 33 °C. Đun đẳng áp tới 70 °C. Tính thể tích khí lúc này (làm tròn đến hàng phần mười).

Câu 9. Một lượng khí ở 55 °C. Tính nhiệt độ tuyệt đối của lượng khí ấy.

Câu 10. Một lượng khí lí tưởng cố định dưới pít-tông nhẹ không ma sát, ban đầu $T_1 = 400$ K, $V_1 = 3$ L, áp suất tuyệt đối $p_1 = 250$ kPa. Pít-tông gắn lò xo; áp suất ngoài cân bằng theo mô hình $p_{\text{ngoài}}(V) = p_1 + K(V - V_1)$, với $K = \dfrac{250}{3}$ kPa/L, chỉ xét $V \geq V_1$. Đun rất chậm đến $T_2 = 800$ K khí không rò, luôn cân bằng với áp suất ngoài và luật lò xo còn đúng suốt quá trình. Thể tích khí cuối bằng bao nhiêu L? (làm tròn đến hàng phần trăm).